TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ - ST
Ngày 15 tháng 8 năm 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ H;
Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn B và bà Hà Thị H
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Kh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa.
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn M - Kiểm sát viên;

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa mở lại phiên tòa đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 64/2025/TLST – HNGĐ, ngày 28/5/2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST – HNGĐ, ngày 11 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2025/QĐST - HNGĐ ngày 30/7/2025 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Cầm Thị T – sinh năm 2001;
Địa chỉ: Thôn My, xã Yên Nhân, tỉnh Thanh Hóa.
Số CCCD: 038301012092, cấp ngày 04/7/2022; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (vắng mặt);

2.Bị đơn: Hà Văn H – sinh năm 1997;
Địa chỉ: Thôn My, xã Yên Nhân, tỉnh Thanh Hóa.
Số CCCD: 038097021028, cấp ngày 23/12/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/4/2025 của chị Cầm Thị T là nguyên đơn và bản tự khai của đương sự, các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Về hôn nhân: Nguyên đơn Cầm Thị T và bị đơn Hà Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, thật sự yêu thương nhau và không bị ai ép buộc được hai bên 2 gia đình đồng ý, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Nhân, huyện

Thường Xuân(nay là xã Yên Nhân, tỉnh Thanh Hóa) vào ngày 30/11/2021. Sau khi lấy nhau về, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, khoảng tháng 05 năm 2023 thì tình cảm vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn tình cảm vợ chồng là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm, suy nghĩ, cách sống của mỗi người là khác nhau, không thông cảm cho nhau nên không tìm thấy sự hòa hợp trong đời sống vợ chồng; nguyên đơn cho rằng bị đơn Hà Văn H không tu trí làm ăn, không quan tâm đến gia đình, hay xúc phạm, đánh đập chị. Chị Tình đã nhiều lần động viên, khuyên ngăn nhưng anh H vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn tình cảm vợ chồng đã được 2 bên gia đình nhiều lần dàn xếp, hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối tháng 04 năm 2025 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Hiện nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Nguyên đơn Cầm Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa giải quyết cho chị được ly hôn với bị đơn Hà Văn H.

Về con cái: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung, tên cháu là Hà Anh Đ — sinh ngày 25/12/2019 và Hà Anh D – sinh ngày 06/11/2021. Nay ly hôn, nguyên đơn Cầm Thị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu Hà Anh D và giao cháu Hà Anh Đ cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Tài sản chung, tài sản riêng và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn Hà Văn H tại bản tự khai ngày 02/6/2025 và biên bản hòa giải ngày 17/6/2025 và các tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Hà Văn Hiếm trình bày:

Về hôn nhân: Bị đơn Hà Văn H thừa nhận thời gian gần đây tình cảm vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, bản thân anh cũng đã cố gắng động viên khuyên nhủ nhưng chị T vẫn không thay đổi; vợ chồng đã sống ly thân từ đầu tháng 05/2025 đến nay. Bản thân anh nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, có thể hàn gắn được nên anh H không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Về con cái: Bị đơn thừa nhận vợ chồng có 02 con chung như nguyên đơn trình bày, nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, anh H đề nghị được nuôi cháu Hà Anh Đ, giao cháu Hà Anh D cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: bị đơn Hà Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn tình cảm vợ chồng, UBND xã Yên Nhân đã xác nhận: Vợ chồng anh Hà Văn H và chị Cầm Thị T có hộ khẩu thường trú tại thôn My, xã Yên Nhân, hiện nay anh vợ chồng anh H, chị T đang đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương; Mâu thuẫn tình cảm vợ chồng anh Hà Văn H và chị Cầm Thị T chính quyền địa phương không nắm được, thôn, xã cũng không được hòa giải mâu thuẫn tình cảm vợ chồng.

*Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không có thiếu sót vi phạm gì; Về tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành chấp hành đúng các quy định, bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt không có lý do. Việc ra bản án vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51,56,57, 81,82 và 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; Khoản 2 Điều 21, Điều 28, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 238, các Điều 271,273 và 278 BLTTDS 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15; Điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn Cầm Thị T; Giao cháu Hà Anh cho bị đơn Hà Văn H, giao cháu Hà Anh D cho nguyên đơn Cầm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu các cháu Anh Đ, Anh D đến tuổi trưởng thành. Nguyên đơn, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại chăm sóc con không ai được ngăn cản; Chị T phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn Cầm Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con với anh Hà Văn H. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2.Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Hà Văn H có nơi cư trú tại thôn My, xã Yên Nhân, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa có thẩm quyền giải quyết vụ án.

1.3.Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án niêm yết công khai quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Xét thấy sự vắng mặt của các đương sự không thuộc trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách

quan. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

2.1 Về hôn nhân: Nguyên đơn Cầm Thị T và bị đơn Hà Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 30/11/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau nên không tìm thấy tiếng nói chung trong đời sống vợ chồng. Chị T xin ly hôn, anh H không đồng ý, vì anh cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy về hôn nhân giữa nguyên đơn Cầm Thị T và bị đơn Hà Văn H đời sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu tháng 05 năm 2025 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Vì vậy nên chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Cầm Thị T là phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

2.2 Về con cái: Xét việc đề nghị yêu cầu nuôi con của các đương là nguyện vọng chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đề nghị giao cháu Hà Anh D cho chị và giao cháu Hà Anh Đ cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Để đảm bảo các điều kiện phát triển bình thường về mọi mặt cho các cháu, vì vậy giao cháu Hà Anh D cho chị T và giao cháu Hà Anh Đ cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản, công nợ: Tài sản chung, tài sản riêng và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

2.4.Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Nguyên đơn Cầm Thị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51,56,57, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 238, các Điều 271, 273, 278 và 280 BLTTDS 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016.

1.Về hôn nhân:

Xử: Cho nguyên đơn Cầm Thị T được ly hôn với bị đơn Hà Văn H.

2.Về con cái:

Giao cháu Hà Anh D – sinh ngày 06/11/2021 cho nguyên đơn Cầm Thị T và giao cháu Hà Anh Đ – sinh ngày 25/12/2019 cho bị đơn Hà Văn H trực tiếp chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ tháng 8/2025 cho đến khi các cháu Anh D, Anh Đ đến tuổi trưởng thành(đủ 18 tuổi). Nguyên đơn, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con không ai được ngăn cản.

3.Về án phí và các vấn đề khác: Nguyên đơn Cầm Thị T phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự - HNGĐ sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0003765, ngày 28/05/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Nguyên đơn Cầm Thị T đã thi hành xong về phần án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Những người này được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể, từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND khu vực 10;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng THADS khu vực 10 - Thanh Hóa;
- Văn phòng HĐND và UBND xã Yên Nhân;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Sỹ H